CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 2/2025

CTCP Quốc Cường - Gia Lai

Ngày 30/06/2025	11,750 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	-0.8%	**0.9%**	**0.4%**

DT thuần
Q2/25
131
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 20.0| 18.1%
YoY: ▲ 105| 395%

LN thuần
Q2/25
20.9
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 3.00| 16.8%
YoY: ▲ 38.7| 218%

LN sau thuế
Q2/25
1.77
tỷ VNĐ
QoQ: ▼6.46| -78.5%
YoY: ▲ 19.1| 110%

Tỷ suất lãi EBIT
Q2/25
11.8%
YoY: +/-▼ 5.4%

ROE (TTM)
Q2/25
2.3%
YoY: +/-▲ 0.5%

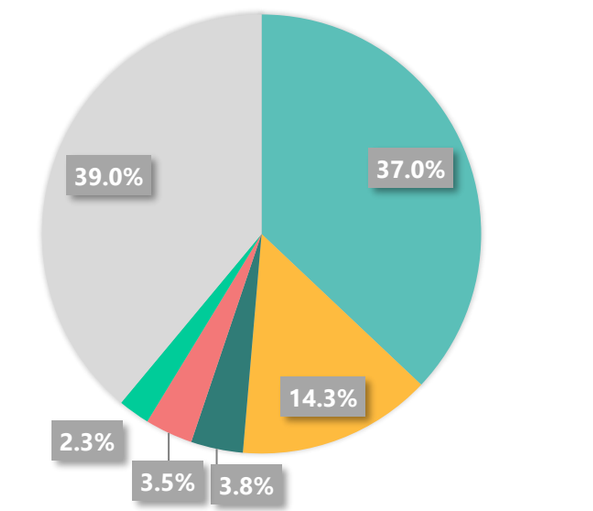
Sàn giao dịch	HSX
Khoảng giá 52 tuần	5,680 - 13,850
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	3,233
Số lượng CPLH (CP)	275,129,141
KLGD BQ 20 phiên (CP)	1,072,535
Sở hữu nước ngoài	1.9%
Beta	1.16
EPS	379
P/E	31.0

DT thuần
6T 2025
243
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 178| 272%

LN thuần
6T 2025
38.8
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 55.5| 332%

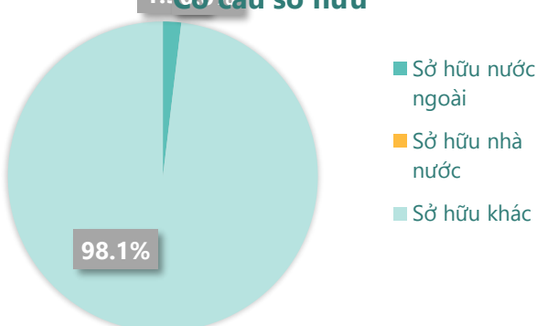
LN sau thuế
6T 2025
10.0
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 26.6| 160%

Cơ cấu cổ đông



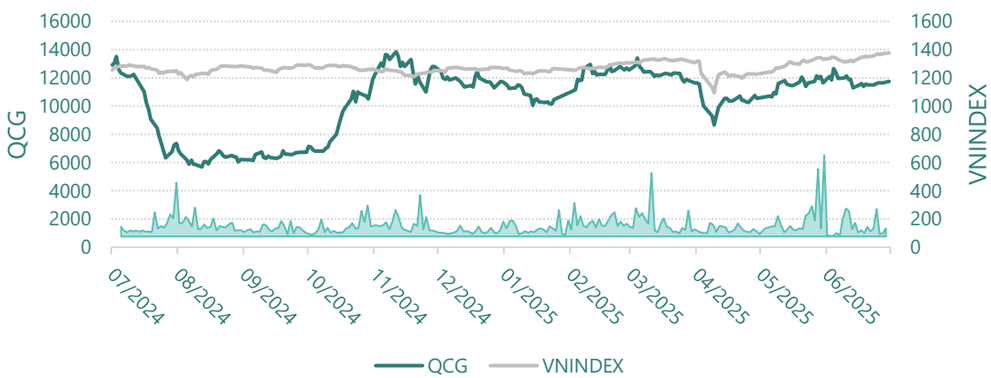
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu sở hữu



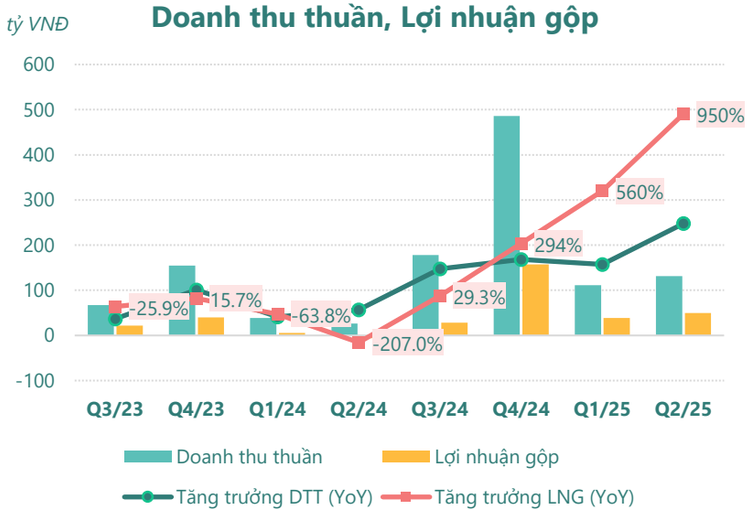
(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá



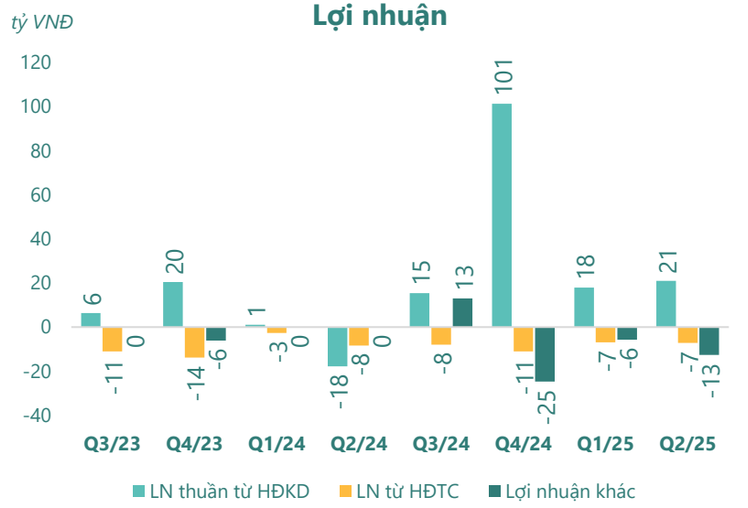
KẾT QUẢ KINH DOANH

Doanh thu thuần, Lợi nhuận gộp



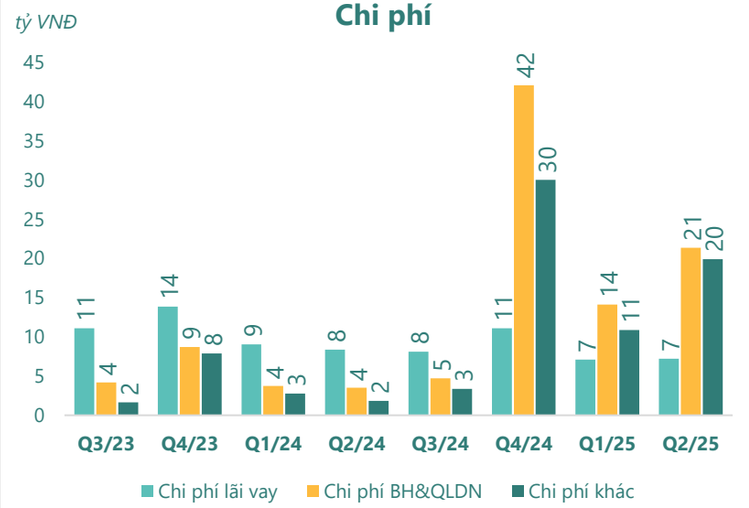
(Nguồn: fireant.vn)

Lợi nhuận



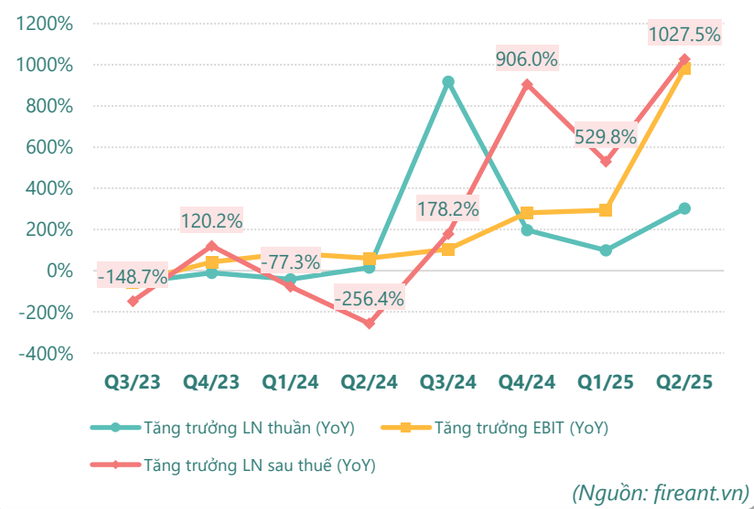
(Nguồn: fireant.vn)

Chi phí



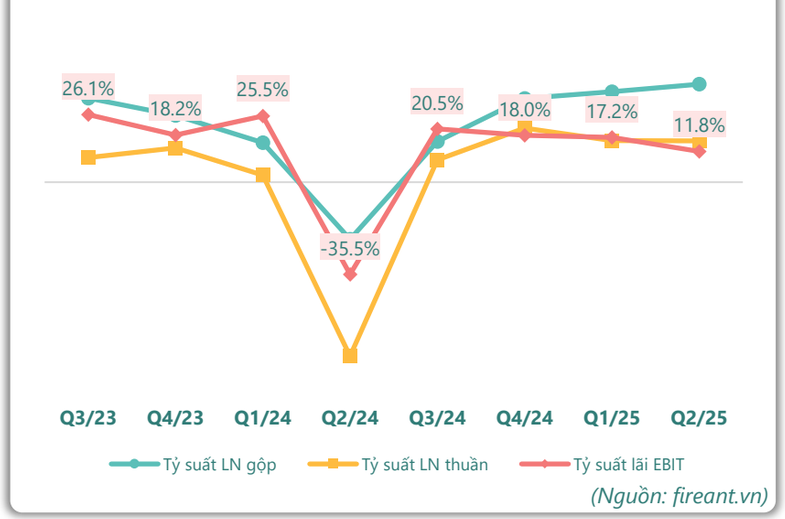
(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng lợi nhuận



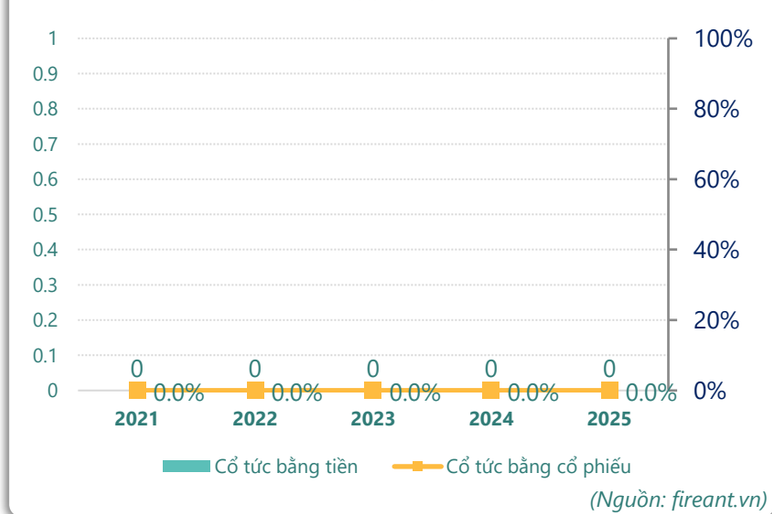
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



(Nguồn: fireant.vn)

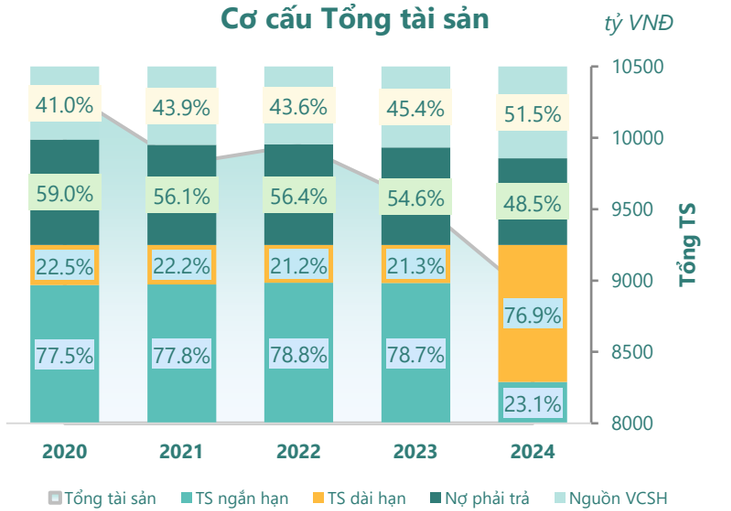
Cổ tức



(Nguồn: fireant.vn)

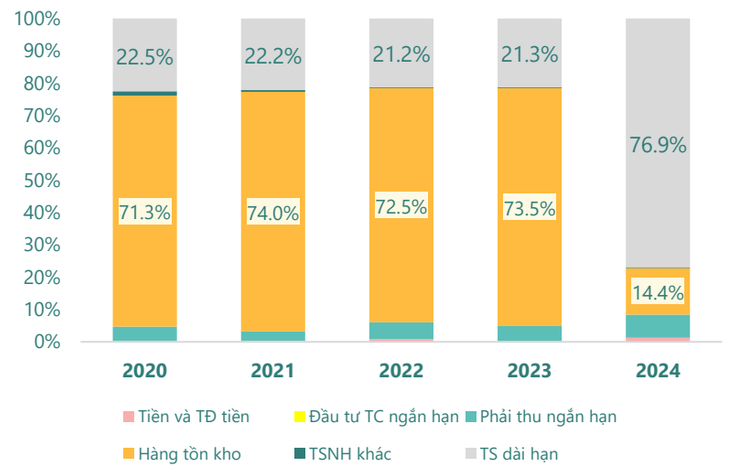
TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản



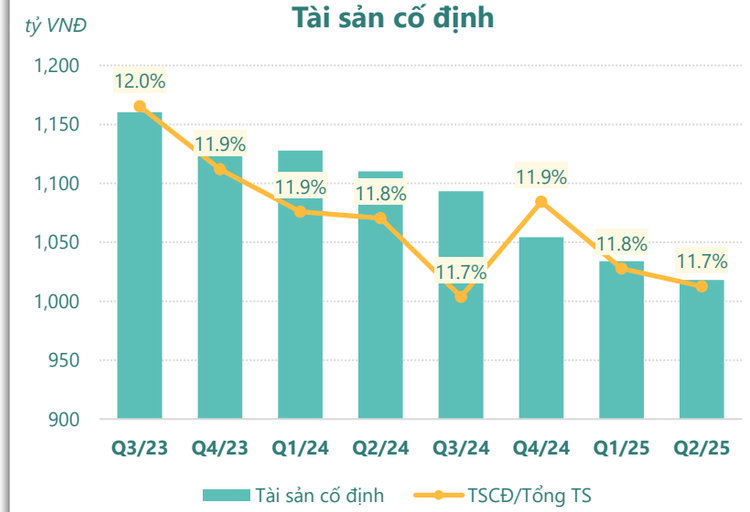
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



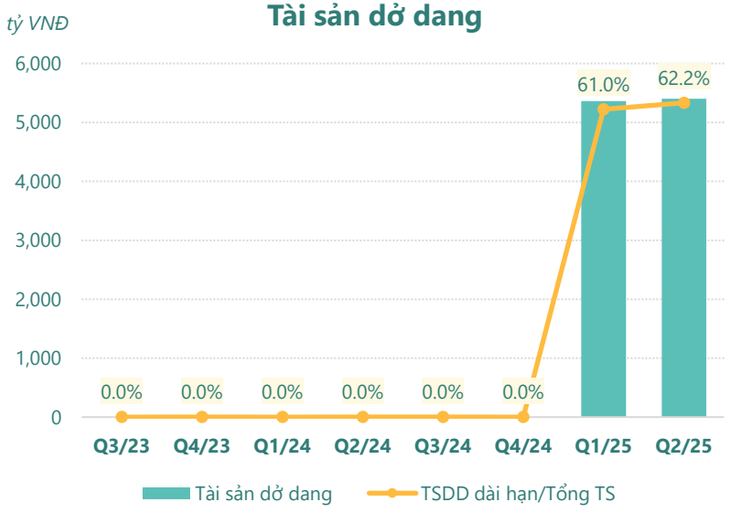
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



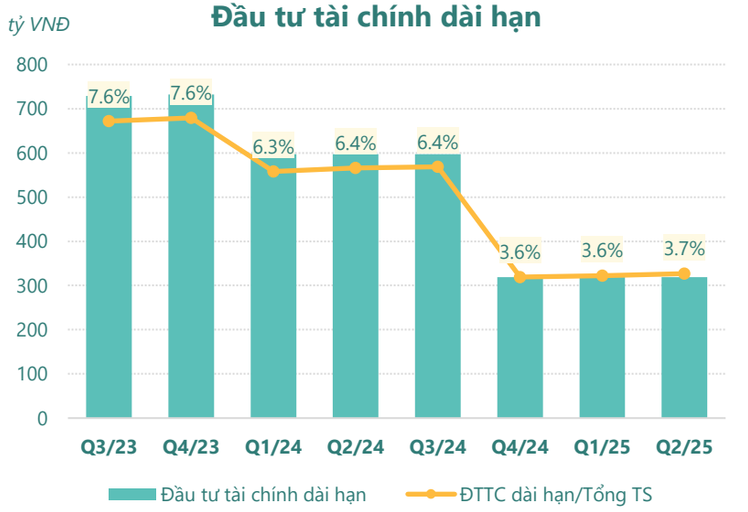
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



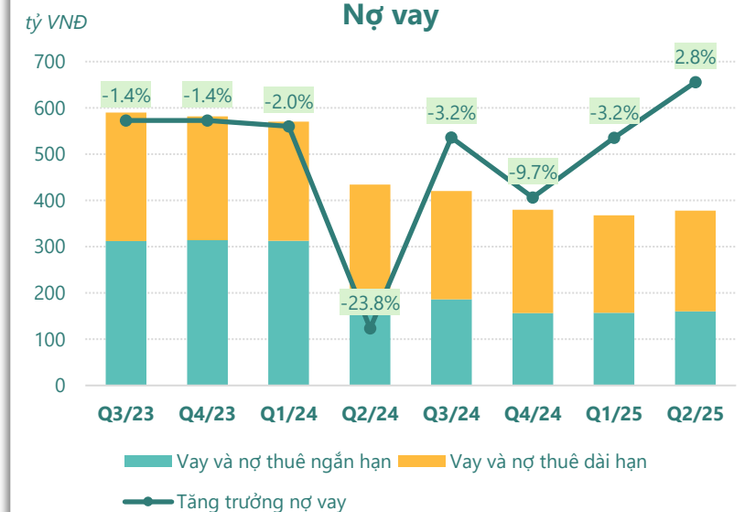
(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn



(Nguồn: fireant.vn)

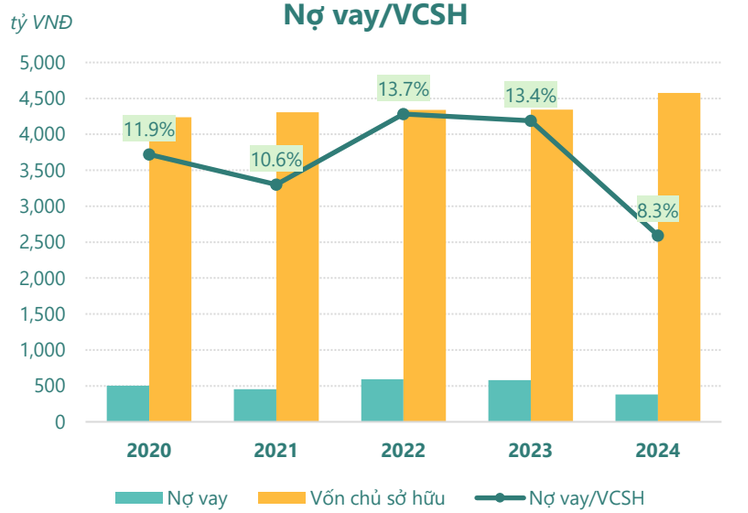
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

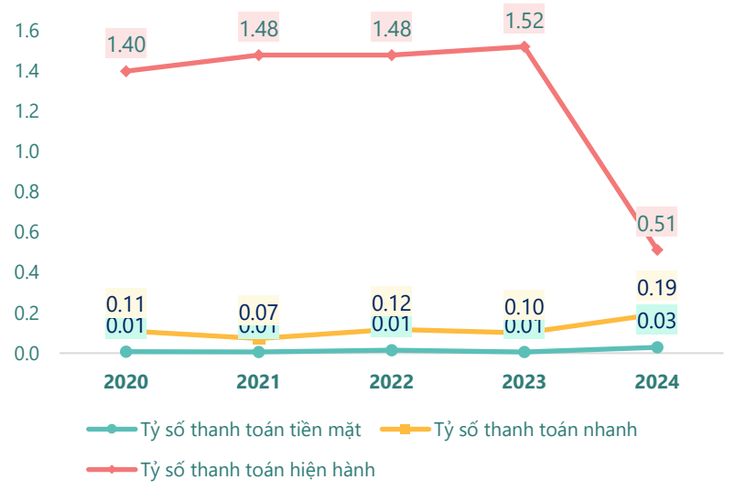
HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Nợ vay/VCSH



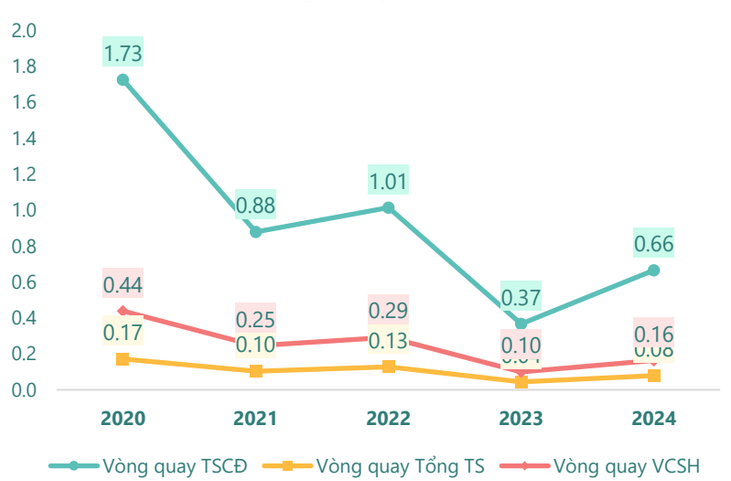
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



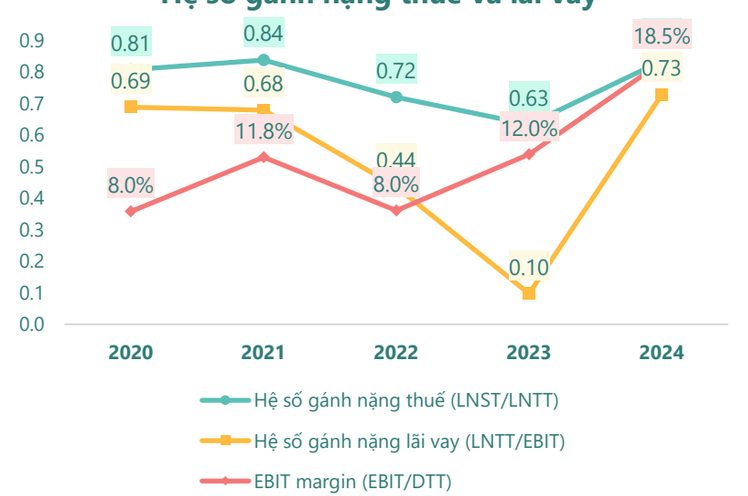
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



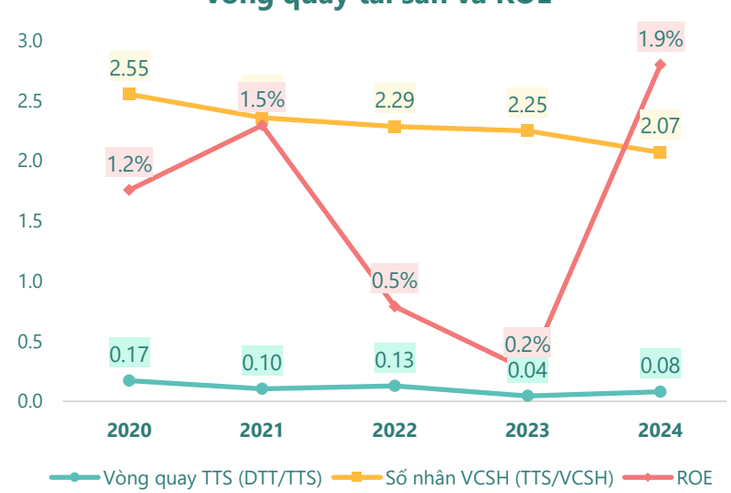
(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



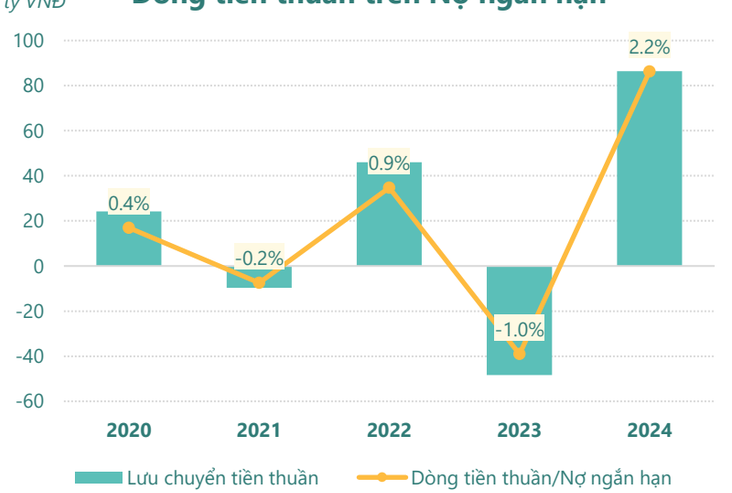
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE



(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q2/25	Q2/24	Thay đổi YoY	6T 2025	6T 2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**131**	**26.5**	**395%**	**243**	**65.2**	**272%**
Giá vốn hàng bán	81.5	32.3	152%	154	65.1	137%
Lợi nhuận gộp	49.5	-5.83	950%	88.5	0.07	125310%
Doanh thu HĐTC	0.02	0.00		0.16	6.43	-97.4%
Chi phí TC	7.25	8.44	-14.1%	14.3	17.5	-17.9%
Chi phí lãi vay	7.20	8.38	-14.1%	14.3	17.4	-17.9%
LN trong công ty LKLD	**-0.02**	**0.00**		**-0.03**	**1.49**	**-102%**
Chi phí bán hàng	15.9	0.00		26.7	0.32	8196%
Chi phí QLDN	**5.47**	**3.51**	**55.7%**	**8.80**	**6.91**	**27.3%**
LN thuần từ HĐKD	20.9	-17.8	218%	38.8	-16.7	332%
Lợi nhuận khác	**-12.6**	**-0.02**	**-62886%**	**-18.3**	**-0.21**	**-8775%**
LN trước thuế	8.32	-17.8	147%	20.5	-16.9	221%
Lợi nhuận sau thuế	**1.77**	**-17.3**	**110%**	**10.0**	**-16.6**	**160%**
LNST của CĐ cty mẹ	**6.73**	**-16.4**	**141%**	**16.2**	**-15.1**	**208%**

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ (tỷ VNĐ)	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	13.4	-21.1	39.2	224	-48.2	-64.5
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-0.65	23.0	-0.13	0.02	0.15	54.8
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-11.6	-3.91	-13.9	-161	-12.2	10.2
Tiền đầu kỳ	28.5	29.7	27.6	52.7	115	54.5
Lưu chuyển tiền thuần	**1.17**	**-2.09**	**25.2**	**62.1**	**-60.3**	**0.55**
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0	0.00
Tiền cuối kỳ	29.7	27.6	52.7	115	54.5	55.1

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/6/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**8,683**	**8,885**	**-2.3%**
Tài sản ngắn hạn	1,844	2,054	-10.2%
Tiền và tương đương tiền	55.1	115	-52.1%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	
Phải thu ngắn hạn	564	635	-11.2%
Hàng tồn kho	1,201	1,279	-6.1%
Tài sản ngắn hạn khác	24.2	25.2	-4.0%
Tài sản dài hạn	**6,839**	**6,831**	**0.1%**
Phải thu dài hạn	74.3	74.3	0.0%
Tài sản cố định	1,018	1,051	-3.1%
Bất động sản đầu tư	19.4	20.1	-3.3%
Tài sản dở dang	5,402	5,361	0.8%
Đầu tư tài chính dài hạn	319	319	0.0%
Tài sản dài hạn khác	**6.08**	**5.68**	**7.1%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	4,096	4,308	-4.9%
Nợ ngắn hạn	**3,815**	**4,004**	**-4.7%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	160	137	17.4%
Phải trả người bán ngắn hạn	43.2	34.2	26.2%
Nợ dài hạn	281	304	-7.7%
Vay và nợ thuê dài hạn	217	243	-10.6%
Nguồn vốn chủ sở hữu	**4,587**	**4,577**	**0.2%**
Vốn chủ sở hữu	**4,587**	**4,577**	**0.2%**
Vốn điều lệ	2,751	2,751	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)